TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MÙ CANG CHẢI** **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11 /2017/ HNGĐ-ST
Ngày 19 - 12 - 2017.
V/v: Không công nhận là vợ chồng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MÙ CANG CHẢI, TỈNH YÊN BÁI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: ông Nguyễn Trung Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. ông Lê Ngọc Minh

2. ông Phạm Đức Thịnh

- Thư ký phiên toà: ông Lý A Dà, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mù Cang Chải.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mù Cang Chải: bà Vừ Thị Tình, Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mù Cang Chải xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 27/2017/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2017 về việc: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 585/2017/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: chị **Mùa Thị P** sinh năm 1993; trú tại: bản N, xã M, huyện M, tỉnh Y, có mặt

2. *Bị đơn*: anh **Sùng A T** sinh năm 1993; trú tại: bản N, xã M, huyện M, tỉnh Y; hiện đang chấp hành hình phạt tù tại Trại tạm giam Công an tỉnh Yên Bái, vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Người phiên dịch tiếng Mông: ông Thào A Dờ, cán bộ Toà án nhân dân huyện Mù Cang Chải, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 13 tháng 10 năm 2017 và tại biên bản lấy lời khai ngày 30 tháng 10 năm 2017 cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Mùa Thị P trình bày: chị và anh Sùng A T chung sống như vợ chồng từ năm 2010, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương nhưng không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên

nhân chủ yếu là anh Sùng A T có quan hệ ngoại tình, không chăm lo tới đời sống kinh tế gia đình. Đến ngày 13 tháng 02 năm 2017, anh T có hành vi hiếp dâm trẻ em và bị Tòa án nhân dân huyện Mù Cang Chải xử phạt 11 năm tù. Từ đó đến nay chị và anh T sống ly thân, chị P xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn anh T.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 02 tháng 11 năm 2017, anh Sùng A T thừa nhận chung sống như vợ chồng với chị Mùa Thị P từ năm 2010, nhưng không đăng ký kết hôn. Anh T trình bày là do uống rượu say nên nhất thời phạm tội hiếp dâm trẻ em và bị Tòa án nhân dân huyện Mù Cang Chải xử phạt 11 năm tù. Tuy nhiên, anh T cho rằng vẫn còn tình cảm vợ chồng với chị P nên không nhất trí ly hôn

Về con chung: chị Mùa Thị Pvà anh Sùng A T khai thống nhất có 02 con chung là Sùng Nguyễn Ba N, sinh ngày 31 tháng 10 năm 2015 và Sùng Thị S, sinh ngày 23 tháng 8 năm 2017. Hiện nay cháu Nam đang sống cùng bố mẹ chồng tại bản N, xã M, huyện M, tỉnh Y. Còn cháu Sùng Thị S được chị P đưa về sống cùng bố mẹ chị P tại bản M, xã N, huyện V, tỉnh L. Chị P và anh T đều trình bày trong trường hợp ly hôn thì giao cho chị P nuôi dưỡng con chung Sùng Thị S, còn anh T nuôi dưỡng con chung Sùng Nguyễn Ba N. Chị P và anh T không ai phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung: Các đương sự đều không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký tòa án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật trong việc tham gia tố tụng. Bị đơn đang chấp hành hình phạt tù và đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Mùa Thị P và anh Sùng A T. Về con chung: đề nghị xử giao cho chị Phua nuôi dưỡng con chung Sùng Thị S, còn anh T nuôi dưỡng con chung Sùng Nguyễn Ba N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Sùng A T hiện đang chấp hành hình phạt tù tại Trại tạm giam Công an tỉnh Yên Bái nên không thể tham gia phiên toà; anh T đã có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Mùa Thị P và anh Sùng A Tchung sống với nhau như vợ, chồng từ năm 2010 nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống chị P và anh T phát sinh mâu thuẫn, đến nay chị P có yêu cầu ly hôn, nhưng anh T không đồng ý. Tòa án thấy rằng chị P và anh T là người có đủ điều kiện kết hôn, nhưng chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, do đó không làm phát sinh quyền

và nghĩa vụ giữa vợ, chồng. Tòa án căn cứ khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 không công nhận chị Mùa Thị P và anh Sùng A T là vợ chồng.

[3] Về con chung: chị Mùa Thị P và anh Sùng A T có 02 con chung là Sùng Nguyễn Ba N, sinh ngày 31 tháng 10 năm 2015 và Sùng Thị S, sinh ngày 23 tháng 8 năm 2017. Chị P và anh T đều có đề nghị để chị P trực tiếp nuôi con Sùng Thị S và anh Sùng A T trực tiếp nuôi con Sùng Nguyễn Ba N. Chị P và anh T không ai phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Xét đề nghị của chị Pvà anh T là phù hợp với thực tế, đảm bảo được quyền lợi mọi mặt của các con nên được Tòa án chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: các đương sự không đề nghị Toà án giải quyết, nên không đặt ra để giải quyết trong vụ án này.

[5] Về án phí: các đương sự đều là người dân tộc thiểu số, cư trú tại xã có điều kiện kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 14, 15, khoản 2 Điều 53, Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 15 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Tuyên bố không công nhận chị Mùa Thị P và anh Sùng A T là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng con chung Sùng Thị S sinh ngày 23 tháng 8 năm 2017; giao cho anh Sùng A T trực tiếp nuôi dưỡng con chung Sùng Nguyễn Ba N sinh ngày 31 tháng 10 năm 2015; chị P và anh T không ai phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Chị P và anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho các đương sự;

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yên cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Trung Dũng

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Mù Cang Chải;
- Chi cục THADS Mù Cang Chải;
- UBND xã M, huyện M, tỉnh Y;
- NĐ: Mùa Thị P;
- BĐ: Sùng A T (Trại tạm giam);
- Lưu: HS (2); TA; tiểu HS.